

Phụ lục

MỘT SỐ BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ, HÓA ĐƠN

(Kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên mẫu biểu
I. MẪU BIÊN BẢN	
01/BB <i>(được bãi bỏ)</i> [88]	
01A/BB	Biên bản vi phạm hành chính về thuế (được sử dụng khi lập và gửi bằng phương thức điện tử)
02/BB <i>(được bãi bỏ)</i> [89]	
03/BB <i>(được bãi bỏ)</i> [90]	
04/BB <i>(được bãi bỏ)</i> [91]	
II. MẪU QUYẾT ĐỊNH	
01/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [92]	
02/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [93]	
03/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [94]	
04/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [95]	
05/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [96]	
06/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [97]	
07/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [98]	
08/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [99]	
09/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [100]	
10/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [101]	
11/QĐ <i>(được bãi bỏ)</i> [102]	
12/QĐGQ <i>(được bãi bỏ)</i> [103]	
III. MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN TIỀN PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH	
01/ĐNMTP <i>(được bãi bỏ)</i> [104]	
02/ĐNMTP <i>(được bãi bỏ)</i> [105]	

Mẫu số: 01/BB

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ ^[3]... (được bãi bỏ) [106](#)

Mẫu số: 01A/BB

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ

Hôm nay, hồi giờphút, ngày tháng ... năm, tại ^[3]

Căn cứ Thông báo <tiếp nhận/chấp nhận> hồ sơ <đăng ký thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử>^[4] số ngày....tháng.... năm

Tôi là: Chức vụ Đơn vị:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức có tên sau đây:

<1. Họ và tên cá nhân vi phạm>:

Địa chỉ thư điện tử: ^[5]

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu: ;

ngày cấp:..../..../..... ; nơi cấp:

Mã số thuế:

<1. Tên tổ chức vi phạm>:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thư điện tử: ^[5]

Mã số thuế:

Người đại diện theo pháp luật ^[6]:

Chức danh:

2. Mô tả hành vi vi phạm hành chính:^[7]

Tên hồ sơ	Mã giao dịch điện tử	Số thông báo tiếp nhận/ chấp nhận hồ sơ... ^[4]	Thời gian tiếp nhận/ chấp nhận hồ sơ	Loại tờ khai	Thời gian chậm nộp (ngày)	Kỳ tính thuế	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Đã có hành vi vi phạm hành chính: quy định tại

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: ^[8]

a) Các tình tiết giảm nhẹ:

b) Các tình tiết tăng nặng:

5. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, <ông(bà)/tổ chức> gửi yêu cầu giải trình trực tiếp hoặc trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập được biên bản này <ông(bà)/tổ chức> gửi văn bản giải trình đến^[9] để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản được lập vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm và gửi cho <ông(bà)/tổ chức vi phạm> qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên^[10])

* Mẫu này được sử dụng khi lập và gửi bằng phương thức điện tử.

^[1] Ghi tên theo hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP;

- [2] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản;
- [3] Ghi tên, địa chỉ cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản;
- [4] Ghi theo tên Thông báo của Hệ thống giao dịch thuế điện tử, trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử chỉ có Thông báo tiếp nhận hồ sơ thì ghi theo tên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử;
- [5] Ghi địa chỉ thư điện tử người nộp thuế đã đăng ký để nhận thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế;
- [6] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp;
- [7] Nhập đầy đủ thông tin từ cột (1) đến cột (6) đối với hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế. Nhập đầy đủ thông tin từ cột số (1) đến cột số (8) đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;
- [8] Ghi “Không” nếu không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- [9] Ghi chức danh và tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;
- [10] Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện ký bằng phương thức điện tử.

Mẫu số: 02/BB

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-GTTT

BIÊN BẢN

Phiên giải trình trực tiếp (được bãi bỏ)[\[107\]](#)

Mẫu số: 03/BB

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-XM

BIÊN BẢN

Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính *(được bãi bỏ)* [\[108\]](#)

Mẫu số: 04/BB

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-KNQĐ

BIÊN BẢN

Về việc < cá nhân/tổ chức > vi phạm hành chính không nhận quyết định xử phạt vi phạm
hành chính *(được bãi bỏ)* [\[109\]](#)
(Áp dụng đối với trường hợp giao quyết định xử phạt trực tiếp)

Mẫu số: 01/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử phạt vi phạm hành chính về^[4] *(được bãi bỏ)* [\[110\]](#)

Mẫu số: 02/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền (được bãi bỏ)[\[111\]](#)

Mẫu số: 03/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thi hành một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về^[4] (được bãi bỏ)[\[112\]](#)

Mẫu số: 04/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nộp tiền phạt nhiều lần (được bãi bỏ)[\[113\]](#)

Mẫu số: 05/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc <miễn phần còn lại/toàn bộ>^[4] tiền phạt vi phạm hành chính về ^[5].... (được bãi bỏ)[\[114\]](#)

Mẫu số: 06/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả^[4] (được bãi bỏ)[\[115\]](#)

Mẫu số: 07/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về^[4] ... (được bãi bỏ)[\[116\]](#)

Mẫu số: 08/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]

TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (được bãi bỏ)[\[117\]](#)

Mẫu số: 09/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]

TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-^[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về^[4]... (được bãi bỏ)[\[118\]](#)

Mẫu số: 10/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về ^[4]... (được bãi bỏ) [\[119\]](#)

Mẫu số: 11/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về ^[4]... (được bãi bỏ) [\[120\]](#)

Mẫu số: 12/QĐ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-^[2]

^[3], ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn (được bãi bỏ) [\[121\]](#)

Mẫu số: 01/ĐNMTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN TIỀN PHẠT (được bãi bỏ) [\[122\]](#)

Mẫu số: 02/ĐNMTP

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN^[1]
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v đề nghị miễn tiền phạt vì
phạm hành chính

....., ngày tháng năm

Kính gửi: ^[1] (được bãi bỏ) [\[123\]](#)

[\[1\]](#) Nghị định số 102/2021/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.”

Nghị định 310/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn”

Nghị định 291/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 310/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.”

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[3] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[10] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[11] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[12] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[17] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[18] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[19] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[20] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[24] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[26] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[28] Tên điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[30] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[31] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[34] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[35] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[36] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[37] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[38] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[39] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[41] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[42] Mục này bao gồm Điều 19a được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[43] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[44] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[45] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[46] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[47] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[48] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[49] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[50] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[51] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[52] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[53] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[54] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[55] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[56] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[57] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[58] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022; được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[59] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[60] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[61] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[62] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[63] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[64] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[65] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[66] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[67] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[68] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[69] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[70] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[71] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định lại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[72] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[73] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[74] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[75] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[76] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[77] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[78] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[79] Cụm từ “Điều 19a” được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026.

[80] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[81] Cụm từ “thanh tra thuế” được thay thế bởi cụm từ “thanh tra” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[82] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[83] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[84] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[85] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[86] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[87] Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau thời điểm có hiệu lực của Nghị định này, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì được giải quyết theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

3. Đối với hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã được cơ quan thuế tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn để giải quyết theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.”

Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó.

2. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đang được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực và hành vi vi phạm hành chính đó được phát hiện sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã bị xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Điều 4 của Nghị định số 291/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

[88] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[89] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[90] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[91] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[92] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[93] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[94] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[95] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[96] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[97] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[98] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[99] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[100] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[101] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[102] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[103] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[104] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[105] Mẫu này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[106] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[107] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[108] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[109] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[110] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[111] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[112\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[113\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[114\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[115\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[116\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[117\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[118\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[119\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[120\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[121\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[122\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

[\[123\]](#) Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.